TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **96**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2022
V/v: "*Tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phước
Bà Lê Thị Ánh Sáng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành***: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 622/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Ngọc B, sinh năm 1970

Hộ khẩu thường trú: tổ 23, khu K, thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 1c đường Lê Lợi, tổ 16, khu V, thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972

Địa chỉ: tổ 23, khu K, thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Phúc tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L vào năm 1992.

Trong quá trình chung sống đến năm 2005 chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được, nguyên nhân do chúng tôi không còn đồng quan điểm và hai người đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay.

Nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thời gian tôi và bà Phúc sống ly thân đã lâu; tình cảm giữa tôi và bà Phúc không còn, nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

Về con chung: Tôi và bà Phúc có 03 con chung là Phan Thanh T – sinh năm 1992, Phan Thanh N – sinh năm 2000, Phan Tiến T1 – sinh ngày 06/4/2005.

Con chung Phan Thanh T, Phan Thanh N đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi tự nguyện giao con chung cho bà Nguyễn Thị P nuôi dưỡng. Tôi cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phan Ngọc B chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Khi đăng ký kết hôn thì cả hai đều tự nguyện. Giữa tôi và ông B không có mâu thuẫn gì, trong cuộc sống ông B sống không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo, quan tâm đến con cái. Tôi và ông B đã sống ly thân 17 năm. Nay tôi xác định tình cảm giữa tôi và ông B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đồng ý ly hôn với ông B.

Về con chung: Tôi và ông B có 03 con chung là Phan Thanh T – sinh ngày 13/11/1992, Phan Thanh N – sinh ngày 08/9/2000, Phan Tiến T1 – sinh ngày 06/4/2005.

Con chung Phan Thanh T, Phan Thanh N đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Phan Tiến T1 hiện nay đang sống với tôi. Tôi yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phan Tiến T1, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc B.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Ngọc B được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

+ Về con chung: Ông B, bà Phúc có 03 con chung là Phan Thanh T – sinh ngày 13/11/1992, Phan Thanh N – sinh ngày 08/9/2000, Phan Tiến T1 – sinh ngày 06/4/2005.

Con chung Phan Thanh T, Phan Thanh N đã thành niên và có khả năng lao động, nên không giải quyết.

Giao con chung Phan Tiến T1 – sinh ngày 06/4/2005 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Tạm thời ông Phan Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Ông B phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phan Ngọc B và bị đơn bà Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà Phúc.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Ngọc B và bị đơn bà Nguyễn Thị P tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1992, được UBND thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ Điều 5, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, xác định hôn nhân giữa ông Phan Ngọc B và bà Nguyễn Thị P là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn ông Phan Ngọc B khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và bà Phúc là trầm trọng, hai người đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Ông B xác định không còn tình cảm với bà Phúc và yêu cầu xin ly hôn với bà Phúc.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P thừa nhận tình trạng hôn nhân của hai người theo như ông B trình bày, bà Phúc đồng ý ly hôn với ông B.

Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà Phúc đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, đã sống ly thân, không muốn hàn gắn đoàn tụ cũng như cả hai đều có nguyện vọng ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc B về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

[3.2] Về con chung:

Ông B và bà Phúc có 03 con chung là Phan Thanh T – sinh ngày 13/11/1992, Phan Thanh N – sinh ngày 08/9/2000, Phan Tiến T1 – sinh ngày 06/4/2005.

Con chung Phan Thanh T, Phan Thanh N đã thành niên và có khả năng lao động, nên không giải quyết. Con chung Phan Tiến T1 đang sống với bà Phúc.

Ông B và bà Phúc đã thống nhất ly hôn bà Phúc là trực tiếp nuôi dưỡng nuôi con chung Phan Tiến T1, con chung Phan Tiến T1 cũng có nguyện vọng được sống với bà Phúc. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận giao con chung Phan Tiến T1 cho bà Phúc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do không có yêu cầu, nên tạm thời ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Ông B và bà Phúc xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Ông B và bà Phúc xác định không có nợ chung. Nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Phan Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 5, Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Phan Ngọc B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Ngọc B được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Ông Phan Ngọc B và bà Nguyễn Thị P có 03 con chung là Phan Thanh T – sinh ngày 13/11/1992, Phan Thanh N – sinh ngày 08/9/2000, Phan Tiến T1 – sinh ngày 06/4/2005.

Con chung Phan Thanh T, Phan Thanh N đã thành niên và có khả năng lao động, nên không giải quyết.

Giao con chung Phan Tiến T1 – sinh ngày 06/4/2005 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

Tạm thời ông Phan Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Ngọc B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông B thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phan Ngọc B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông B đã nộp, theo Biên lai thu số 0006013 ngày 21/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí ông B phải chịu. Ông B đã nộp xong.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Phước **Lê Thị Ánh Sáng** **Phạm Ngọc Quyền**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Phước Bình;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền